

**CÔNG TY TNHH JUDI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JUDI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JUDI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109197636

**3. Ngày thành lập:** 26/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 65 Hàng Cháo, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                   | 2620     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                              | 2630     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                          | 2640     |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312     |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                      | 3313     |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                            | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                          | 4652     |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4741     |
| 13. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4742     |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4759     |

|     |                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đầu giá bán lẻ qua internet)                                                      | 4791        |
| 17. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ xuất bản phẩm)                                                                                                          | 5820        |
| 18. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                | 6190        |
| 19. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                             | 6201(Chính) |
| 20. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                               | 6202        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                   | 6209        |
| 22. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                               | 6311        |
| 23. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                         | 6312        |
| 24. | Quảng cáo                                                                                                                                         | 7310        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh          | 8299        |
| 26. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy máy tính.                                                                              | 8559        |
| 27. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                         | 9511        |
| 28. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                        | 9512        |
| 29. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                      | 9521        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THẾ ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 135543630

Ngày cấp: 12/12/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đình Xá, Xã Nguyệt Đức, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đình Xá, Xã Nguyệt Đức, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội